

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017- 2018
LỚP TC. KML 17

STT	Họ và tên		Năm sinh	2	5	2	1	3	2	6	3	17	Xếp loại học lực	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
				GDTC	QPAN	CT	PL	AV	TH	TOÁN CD	VKT	TB Học kì			
1	Phạm Thành	Đạt	09/10/2001	7.9	6.6	6.5	5.6	8.6	5.8	8.2	6.8	7.4	Khá	Khá	
2	Lý Huỳnh	Đức	25/9/2002	7.4	6.7	6.9	6.8	8.0	7.5	8.5	6.2	7.6	Khá	Tốt	
3	Phạm Phước	Được	07/01/2001	6.1	5.7	7.1	5.5	8.5	7.7	8.4	6.7	7.7	Khá	Khá	
4	Phạm Trường	Giang	08/01/1996	7.2	6.7	8.1	7.2	9.1	8.0	6.8	7.0	7.6	Khá	Tốt	
5	Lâm Sơn	Hải	15/10/2001	2.1	1.1	0.0	2.1	0.0	2.0	0.3	0.0	0.5	Kém	Kém	*
6	Lưu Thanh	Hào	18/8/2001	8.3	6.8	7.1	6.3	8.8	6.2	6.8	6.5	7.0	Khá	Tốt	
7	Nguyễn Chí	Hảo	10/12/2000	7.6	7.2	8.1	6.6	8.8	7.3	6.7	7.0	7.4	Khá	Tốt	
8	Lê Chí	Hiếu	7/10/1994	7.9	7.8	7.3	6.9	8.9	7.8	9.0	7.3	8.2	Giỏi	Tốt	
9	Trần Trung	Hiếu	29/8/1992	7.6	6.8	7.5	6.8	9.2	7.5	6.0	6.4	7.0	Khá	Tốt	
10	Huỳnh Chí	Hoàng	19/4/2000	7.7	5.7	6.0	6.0	9.0	6.7	6.9	0.0	5.9	Trung Bình	Trung Bình	*
11	Nguyễn Thương	Hoàng	03/9/2002	2.7	4.4	7.0	6.4	9.0	7.7	6.9	0.0	6.1	TB Khá	Yếu	*
12	Trần Gia	Huy	16/5/2002	0.0	0.0	2.3	0.0	0.0	6.1	1.2	0.0	1.4	Kém	Yếu	*
13	Lê Trần Duy	Khang	01/4/2001	2.5	1.4	0.0	2.5	0.0	5.2	0.4	0.0	0.9	Kém	Yếu	*
14	Nguyễn Chí	Khang	06/11/2002	6.5	5.0	6.3	5.3	8.9	6.7	7.4	6.6	7.2	Khá	Tốt	
15	Nguyễn Chí	Khang	12/01/2002	6.9	5.3	4.4	4.9	8.8	6.0	6.5	5.7	6.4	TB Khá	Khá	*
16	Nguyễn Hoàng	Khang	20/12/2001	8.1	5.6	6.4	6.8	8.6	6.8	8.5	5.5	7.4	Khá	Khá	
17	Lê Nhật	Khánh	01/3/2002	7.2	4.9	6.8	7.0	8.6	6.2	6.5	4.5	6.5	TB Khá	Khá	*
18	Phạm Ngọc	Khoa	02/3/2001	8.0	7.1	8.3	7.6	8.7	8.3	8.6	6.7	8.2	Giỏi	Tốt	
19	Trần Đăng	Khoa	24/5/2001	7.5	7.0	6.3	6.5	8.6	6.7	6.6	7.4	7.1	Khá	Tốt	
20	Tạ Trung	Kiên	15/11/2002	6.5	6.4	5.7	4.9	8.7	6.1	7.2	6.4	6.9	TB Khá	Khá	*
21	Lưu Trung	Linh	29/3/2002	8.1	6.7	7.8	5.7	9.3	6.1	5.6	6.5	6.7	TB Khá	Tốt	
22	Nguyễn Văn	Lộc	22/02/2002	7.4	5.8	6.5	5.3	8.1	7.1	2.4	5.0	5.1	Trung Bình	Trung Bình	*
23	Hồ Tấn	Nghĩa	01/10/2000	0.0	0.0	4.2	0.0	0.0	6.9	2.3	0.0	2.1	Kém	Yếu	*
24	Lê Thanh	Nguyễn	07/01/2002	8.3	7.1	8.7	7.6	8.8	6.9	8.4	6.5	7.9	Khá	Tốt	
25	Trương Đức	Nhân	08/01/2002	7.1	7.2	7.5	5.5	8.5	6.8	6.6	6.0	6.9	TB Khá	Yếu	
26	Trần Hữu	Nhân	09/05/2002	2.4	1.5	0.0	2.4	0.0	5.1	0.9	0.0	1.1	Kém	Yếu	*
27	Trần	Nhật	07/3/2001	2.5	2.1	1.4	6.1	2.9	7.0	0.0	0.0	1.9	Kém	Yếu	*
28	Thái Tấn	Phát	28/02/2002	6.9	6.9	8.2	7.4	9.5	8.4	8.6	6.8	8.3	Giỏi	Tốt	

29	Lê Tấn	Phát	27/3/2002	3.1	6.6	6.3	0.0	8.7	7.2	2.5	0.0	4.0	Yếu	Trung Bình	*
30	Lê Huỳnh	Phúc	23/9/2000	7.0	6.1	6.5	5.8	8.6	5.3	6.1	4.7	6.2	TB Khá	Yếu	*
31	Nguyễn Hữu	Phước	05/01/1998	2.9	0.0	2.0	7.0	0.0	2.0	1.9	0.0	1.6	Kém	Yếu	*
32	Nguyễn Huy	Phương	20/5/2002	0.0	1.2	0.8	0.0	0.0	6.4	1.0	0.0	1.2	Kém	Yếu	*
33	Trần Hoàng	Qui	16/3/2001	0.0	0.7	0.0	0.0	0.0	2.0	0.6	0.0	0.4	Kém	Yếu	*
34	Ngô Bửu	Quốc	17/9/2001	7.3	4.6	7.0	4.9	8.9	6.1	5.7	4.2	6.2	TB Khá	Trung Bình	*
35	Vũ Nhật	Quyền	10/6/2001	8.2	6.3	7.3	6.2	8.6	7.7	7.0	0.0	6.1	TB Khá	Trung Bình	*
36	Phạm Hoàng	Thái	01/6/2002	8.5	7.4	7.7	6.2	8.8	7.4	8.4	8.0	8.1	Giỏi	Tốt	
37	Lý Nhựt	Thiên	15/01/2001	7.8	6.5	0.4	6.6	8.7	8.1	0.4	0.0	3.1	Kém	Yếu	*
38	Tạ Châu Thanh	Thoại	23/12/2002	6.4	6.9	8.1	7.8	7.7	8.4	7.4	6.9	7.6	Khá	Tốt	
39	Nguyễn Minh	Thức	25/12/2001	2.2	0.2	0.8	2.2	0.0	2.0	0.6	0.0	0.7	Kém	Yếu	*
40	Võ Văn	Thường	20/05/2002	2.7	2.5	6.6	5.8	2.9	7.0	7.9	1.0	5.4	Trung Bình	Yếu	*
41	Huỳnh Thanh	Toàn	27/12/1990	0.0	0.5	0.0	0.0	0.0	2.0	0.0	0.0	0.2	Kém	Kém	*
42	Trần Minh	Trí	24/7/2002	6.7	5.2	7.1	7.5	8.2	6.9	7.5	5.2	7.1	Khá	Khá	
43	Trần Bình	Trọng	13/4/1995	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn	Miễn	9.3	6.9	8.5	Giỏi	Khá	
44	Nguyễn Quốc	Tuấn	25/12/1992	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.0	0.0	0.0	0.2	Kém	Yếu	*
45	Trần Thanh	Tuấn	3/4/1994	6.7	7.8	8.0	7.1	9.3	7.9	9.1	8.8	8.7	Giỏi	Tốt	
46	Tô Thanh	Tuấn	30/10/2001	6.9	2.2	0.4	6.1	7.8	6.2	0.4	0.0	2.7	Kém	Yếu	*
47	Lý Triệu	Vĩ	25/6/2002	2.9	7.6	8.0	5.9	2.6	7.4	6.0	0.7	4.9	Yếu	Kém	*
48	Trần Thanh	Vũ	20/3/1995	8.1	7.4	8.1	7.6	8.5	7.5	8.7	7.4	8.2	Giỏi	Trung Bình	
49	Trần Tuấn	Vỹ	18/10/2002	8.0	5.3	6.4	5.9	8.5	7.5	6.0	6.1	6.7	TB Khá	Khá	

Chú ý: (*) học sinh có ít nhất 01 môn thi lại trong học kỳ không được xét khen thưởng

Kết quả học tập:	49 hs		
Xuất sắc	0 hs	Chiếm	0.0%
Giỏi	7 hs	Chiếm	14.2%
Khá	13 hs	Chiếm	26.5%
Trung bình khá	10 hs	Chiếm	20.4%
Trung bình	3 hs	Chiếm	6.1%
Yếu	2 hs	Chiếm	4.1%
Kém	14 hs	Chiếm	28.6%

Người lập biểu



Hoàng Thị Nguyệt

Bạc Liêu, ngày 16 tháng 4... năm 2018

Phòng Đào Tạo

